

Bản án số: 366/2020/DS-PT

Ngày: 15-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Lan Anh**

Các thẩm phán: **Bà Trần Thị Thu Nam**

Ông Mai Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hương**- Thẩm tra viên Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** **Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 304/2020/TLPT-DS ngày 23/6/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2020/QĐ-PT ngày 29/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **VTĐ1**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: P103-104 đơn nguyên 4, Tập thể XD 2, số 165 XD, phường ND2, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đức là: Bà **PTG3**, sinh năm 1996, CMTND số: 122200112 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 03/11/2012 (có mặt).

Bị đơn: Ông **BXN4**, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Số 895 QT5 kéo dài, tổ 9 phường PL6, quận HĐ7, Hà Nội.

Do có kháng cáo của ông BXN4 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn ông VTĐ1 do bà PTG3 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông BXN4 và ông VTĐ1 là bạn bè thân thiết từ năm 1997 - khi cùng công tác tại Quân khu Thủ Đô nên ông VTĐ1 đã cho ông BXN4 vay tổng cộng 1,2 tỷ đồng; quá trình cho vay như sau:

Lần 1: Ngày 20/01/2013, ông Đức cho ông Nam vay 1.100.000.000 VNĐ (một tỷ một trăm triệu đồng) hai bên có làm “Hợp đồng vay tiền mặt” đề ngày 20/01/2013, theo nội dung Hợp đồng thể hiện ông Đức cho ông Nam vay 1.100.000.000 đồng. Thời hạn vay: từ ngày 20/01/2013 cho đến khi nào ông Đức yêu cầu hoàn trả, nhưng phải thông báo trước 30 ngày. Lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định của luật; để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nam giao cho ông Đức 01 bản chính **“Biên bản thỏa thuận đổi ruộng cho nhau để tiện phục vụ sản xuất”** ngày 16/11/2001, có đóng dấu và ký xác nhận của UBND xã PL6 để làm bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của ông Nam. Hai bên thỏa thuận khi trả đủ cả vốn và lãi thì sẽ giải chấp và trả lại Bản chính Biên bản thỏa thuận ngày 16/11/2001. Nếu không trả nợ đúng hạn thì sau 15 ngày, ông Đức có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản.

Nếu xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết: Tại Tòa án nhân dân quận ĐĐ2.

Ngay sau khi lập hợp đồng này, cùng ngày 20/01/2013 ông Đức đã giao đủ toàn bộ một đợt số tiền 1,1 tỷ đồng cho ông Nam; hai bên thực hiện việc giao nhận tiền trên thực tế chứ không thể hiện bằng văn bản.

Lần 2: ngày 15/8/2015, ông Nam đến nhà ông Đức tiếp tục đề nghị được vay thêm 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng) nữa, gộp chung với lần vay trước thành 1,2 tỷ đồng. Tuy nhiên, do gấp rút, hai bên không làm thành phụ lục hợp đồng mà viết tay một Giấy vay tiền khác và ký vào. Giấy vay tiền đề ngày 15/8/2015, ghi thời hạn vay là 02 (hai) tháng (từ 15/8/2015 đến 15/10/2015), không đề cập đến lãi suất. Việc ông Nam đã nhận đủ tiền được ghi nhận rõ trong Giấy cho vay tiền này.

Sau khi nhận được tiền vay, ông Nam trả tiền đều đặn đến hết năm 2017 thì không thanh toán nữa. Đối với giấy tờ mà ông Nam đưa cho ông Đức để ông Đức cho ông Nam vay tiền như đã nêu ở trên thì ông Đức đã trả lại ông Nam vào ngày 28/4/2017. Hiện nay ông Đức đang còn giữ của ông Nam 02 giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000250 đứng tên ông Trịnh Ngọc Mạnh với diện tích đất ghi trong giấy là 710m², địa chỉ: Thôn Quang Lãm, xã PL6, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Và Giấy chuyển nhượng viết tay ngày 05/3/2016 với nội dung vợ chồng ông Trịnh Ngọc Mạnh đồng ý chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Quỳnh (vợ ông Nam) quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000250 với giá 1.100.000.000 đồng.

Nay ông Đức xác nhận ông Nam còn nợ ông Đức số tiền 1.200.000.000 đồng, ông Đức yêu cầu ông Nam phải trả cho ông Đức toàn bộ khoản tiền nợ gốc nêu trên cùng với lãi suất của số tiền trên: Cụ thể đối với khoản vay 1.100.000.000 đồng yêu cầu ông Nam thanh toán tiền lãi quá hạn từ ngày 01/01/2018 tạm tính đến ngày 23/3/2020 với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước là 9%/1 năm với số tiền là: 220.550.000 đồng.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng yêu cầu ông Nam trả lãi quá hạn từ ngày 15/10/2015 tạm tính đến ngày 23/3/2020 cũng với mức lãi suất 9%/1 năm với số tiền là: 39.950.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông Nam phải trả ông Đức tạm tính đến ngày 23/3/2020 là: 260.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nam xin trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng ông Đức không đồng ý và đề nghị ông Nam trả ngay ông Đức toàn bộ số nợ gốc và lãi nêu trên.

Về án phí: Ông Đức đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các vấn đề trên, ông Đức không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2020 và lời trình bày tiếp theo bị đơn ông BXN4 trình bày: Ông và ông VTĐ1 là chỗ quen biết cùng là bộ đội, do có nhu cầu vay tiền nên ngày 20/02/2011 ông có vay của ông Đức số tiền là 600.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Ngày 20/6/2012 ông lại vay tiếp của ông Đức số tiền: 300.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 2.500.000 đồng/1 tháng, hai bên có viết giấy vay nợ và lãi suất của hai khoản tiền trên ông trả đều hàng tháng. Đến ngày 20/01/2013, ông vay thêm 200.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 2.800.000/1 tháng và làm lại Hợp đồng vay tiền mới gộp số tiền của hai lần vay trước vào lần vay thêm này nên tổng số tiền ông nhận nợ ngày 20/01/2013 là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận lãi theo quy định của pháp luật, thời hạn trả là khi nào ông Đức cần lấy tiền thì ông Đức báo trước cho ông 30 ngày để ông có thời gian thu xếp trả.

Biện pháp bảo đảm tiền vay như bên đại diện nguyên đơn trình bày là đúng và hai bên có thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp giải quyết ở Tòa án quận ĐĐ2 là nơi cư trú của ông Đức, ông không có ý kiến gì.

Ông Nam xác nhận số tiền 1.100.000.000 đồng ông nhận của ông Đức làm 3 lần như đã nêu trên và lần cuối cùng là ngày 20/01/2013.

Ngày 15/8/2015, ông vay tiếp của ông Đức số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có viết giấy cho vay tiền, ông đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng và ký vào giấy cho vay tiền mà ông Đức nộp tại tòa. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3.000.000 đồng/ 1 tháng. Thời hạn vay là 2 tháng. Tổng số tiền ông vay của ông Đức là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Ông Nam xác nhận đã trả đủ tiền lãi cho ông Đức đến hết năm 2017. Nay ông Nam xác nhận nợ thì phải trả, nhưng do hiện ông đang khó khăn và ông đang còn nợ Ngân hàng nên điều kiện trả nợ ngay cho ông Đức số tiền trên một lần là không có khả năng, ông xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, còn lãi suất ông xin ông Đức miễn cho ông. Ông Nam có ý kiến khi nào ông trả hết ông Đức số tiền trên thì ông Đức phải trả lại ông giấy tờ nhà đất mà ông Đức

đang giữ của ông. Đối với số tiền lãi đã thanh toán cho ông Đức đến hết tháng 12/2017 là lãi do hai bên tự thỏa thuận nên ông Nam không yêu cầu xem xét.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ2, thành phố Hà Nội đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông VTĐ1 đối với ông BXN4.
- Xác nhận ông BXN4 còn nợ ông VTĐ1 số tiền gốc và lãi là 1.460.500.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi là 260.500.000 đồng.
- Buộc ông BXN4 phải thanh toán trả cho ông VTĐ1 số tiền 1.460.500.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi triệu, năm trăm nghìn đồng)
- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền phải thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Buộc ông VTĐ1 phải trả lại cho ông BXN4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Ngọc Mạnh và Giấy chuyển nhượng viết tay ngày 05/3/2016 mà ông Đức đang giữ của ông Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông BXN4 là bị đơn trong vụ án kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ nào khác. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chỉ tính lãi của số tiền 100.000.000 đồng từ tháng 1/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/3/2020 là 20.650.000 đồng.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng đề nghị nguyên đơn xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị đơn mà miễn toàn bộ lãi của số tiền nợ gốc.

Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa

bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ2, thành phố Hà Nội: không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000 đồng, các phần khác của bản án giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông BXN4 nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của ông VTĐ1 là chị PTG3 và bị đơn ông BXN4 có mặt.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án của ông BXN4

2.1. Đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc của ông VTĐ1 đối với ông BXN4: Ông Đức và ông Nam đều xác nhận ông Nam còn nợ ông Đức số tiền 1.200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền mặt ngày 20/01/2013 và giấy vay tiền ngày 15/8/2015. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận ĐĐ2, thành phố Hà Nội buộc ông BXN4 phải trả ông VTĐ1 số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

2.2. Đối với yêu cầu tính lãi:

2.2.1. *Đối với cầu tính lãi suất của số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng* với mức lãi suất là 9%/1 năm tính từ ngày 01/01/2018 tạm tính đến ngày 23/3/2020 với số tiền là 220.550.000 đồng và lãi suất phát sinh của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi ông Nam trả xong nợ gốc.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng vay tiền mặt giữa ông Đức và ông Nam được lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên sẽ được áp dụng pháp luật về cách tính lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005. Hợp đồng vay tiền nêu trên hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật, nhưng không thỏa thuận về kỳ hạn thanh toán mà chỉ thỏa thuận khi nào ông Đức cần thì sẽ báo trước 30 ngày để ông Nam thu xếp trả. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nam đã trả lãi theo thỏa thuận nhưng đến khoảng tháng 4 năm 2017 ông Nam không trả lãi. Đến ngày 23/5/2017 ông Đức nhắn tin yêu cầu ông Nam thanh toán nợ gốc, sau 30 ngày kể từ ngày 23/5/2017 ông Nam không thanh toán trả ông Đức nợ gốc và cũng không liên lạc với ông Đức nên ngày 19/8/2019 ông Đức đã làm đơn tố cáo ông Nam tại cơ quan điều tra công an quận Thanh Xuân. Ngày 22/10/2019 Công an quận ĐĐ2 đã ra thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự. Ngày 28/12/2019 ông Đức khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân quận ĐĐ2. Ngày 14/01/2020 Tòa án nhân dân quận ĐĐ2

thụ lý vụ án.

Như vậy, xác định ông Nam đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 1.100.000.000 đồng phát sinh lãi quá hạn từ ngày 23/6/2017. Tuy nhiên, ông Đức chỉ yêu cầu ông Nam phải thanh toán lãi quá hạn từ ngày 01/01/2018 tạm tính đến ngày 23/3/2020 với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước là 9%/ năm, như vậy lãi suất của số tiền trên sẽ là: $(1.100.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/1\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 220.550.000 \text{ đồng})$.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/ 1 năm chấp nhận yêu cầu buộc ông Nam phải thanh toán tiền lãi suất nêu trên của số tiền 1.100.000.000 đồng là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp.

2.2.2. *Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi suất của số tiền vay 100.000.000 đồng* với mức lãi suất 9%/1 năm tính từ ngày 15/10/2015 tạm tính đến ngày 01/01/2020 với số tiền: 39.950.000 đồng của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy, giấy vay tiền ngày 15/10/2015 hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán là 02 tháng kể từ ngày vay các bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông Nam xác nhận sau khi nhận 100.000.000 đồng ông đã gộp số tiền này vào khoản vay trước và trả lãi chung của khoản nợ 1.100.000.000 đồng cho đến gần hết năm 2017 thì do làm ăn khó khăn nên không trả lãi được nữa, nay ông vẫn đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ lãi cho ông. Đại diện của nguyên đơn không đồng ý miễn toàn bộ lãi cho khoản nợ 100.000.000 đồng nhưng yêu cầu bị đơn phải trả lãi của khoản vay này từ 01/01/2018 tính đến ngày 23/3/2020 với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước là 9%/ năm, như vậy lãi suất của số tiền trên sẽ là: $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/1\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} = 20.050.000 \text{ đồng})$ đây là đề nghị phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc ông Nam phải thanh toán cho ông Đức số tiền lãi này.

2.2.3. *Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay ông BXN4 trình bày:* về số nợ 1.100.000.000 đồng ông vay của ông Đức qua 3 lần vay tính từ năm 2011 đến năm 2013, kể từ khi vay ông Nam trả ông Đức là 36%/năm, sau đó trả giảm xuống còn 34%/năm. Ông cho rằng số tiền lãi ông đã trả cho ông Nam đã quá số tiền vay, ông Đức cũng đã thừa nhận điều này trong quá trình làm việc tại cơ quan công an quận ĐĐ2 và Tòa án nhân dân quận ĐĐ2. Vì vậy Tòa án nhân dân quận ĐĐ2 không xem xét và giải quyết vấn đề này là không đảm bảo quyền lợi cho ông.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong giai đoạn sơ thẩm ông Nam có trình bày tại bản tự khai ngày 20/02/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thể hiện: Sau khi vay nợ ông Đức 1.100.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm triệu đồng) theo thỏa thuận ông trả ông Đức lãi theo mức lãi như đã trình bày tại đơn kháng cáo tuy nhiên ông không xuất trình được tài liệu,

căn cứ nào và cũng không nhớ trả ông Đức bao nhiêu tiền lãi; tại phiên tòa ngày 23/3/2020 ông cũng không yêu cầu tòa án giải quyết phần lãi đã trả. Ngoài ra, bản thân ông Đức chỉ xác nhận ông Nam đã trả lãi của số tiền 1.100.000.000 đồng đến ngày 15/6/2017 chứ không nhớ ông Đức trả bao nhiêu tiền.

Vì vậy hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo này của ông BXN4. Từ phân tích nêu trên cần buộc ông Nam phải trả cho ông Đức số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền này từ 01/01/2018 cho đến ngày 23/3/2020 là: 240.600.000 đồng.

2.3. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Ngọc Mạnh và Giấy chuyển nhượng viết tay ngày 05/3/2016 với nội dung vợ chồng ông Trịnh Ngọc Mạnh đồng ý chuyển nhượng cho bà Đặng Thị Quỳnh (vợ ông Nam) quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000250 với giá 1.100.000.000 đồng mà ông Đức đang giữ của ông Nam để làm tin. Do ông Đức không được cấp phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay tài chính nên các bên thế chấp cho nhau giấy tờ nhà đất là không đúng quy định của pháp luật nên buộc ông Đức phải trả lại ông Nam giấy tờ nhà đất nêu trên.

Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Về án phí: Ông BXN4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận ĐĐ2 nên trả ông BXN4 tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 162; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 26; khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 148; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 23/3/2020 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ2, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông VTĐ1 đối với ông BXN4.

- Buộc ông BXN4 phải trả ông VTĐ1 số tiền 1.440.600.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, sáu trăm năm nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 240.600.000 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền phải thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Các lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc ông VTĐ1 phải trả lại cho ông BXN4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh Ngọc Mạnh và Giấy chuyển nhượng viết tay ngày 05/3/2016 mà ông Đức đang giữ của ông Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

- Ông BXN4 phải nộp 55.218.000 đồng (Năm mươi năm triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông VTĐ1 số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 009810 ngày 14/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận DD2.

- Ông BXN4 được hoàn trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 14083 ngày 16/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DD2, thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ2;
- Chi cục THADS quận ĐĐ2;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Anh